

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số **98/2004/QĐ-BTC** ngày **13/12/2004** về việc quy định mức thu phí qua phà Hậu Giang.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số **38/2001/PL-UBTVQH10** ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số **57/2002/NĐ-CP**

ngày **03/6/2002** của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số **77/2003/NĐ-CP** ngày **01/7/2003** của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số **6166/GTVT-TC** ngày **05/11/2004** và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu phí qua phà Hậu Giang như sau:

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí qua phà	Mệnh giá (Đồng/lượt)
1	2	3
1	- Khách bộ hành	500
2	- Xe đạp	1.000
3	- Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe tương tự	2.000
4	- Xe mô tô ba bánh, xe lôi, xe ba gác và các loại xe tương tự	4.000
5	- Xe dưới 12 ghế ngồi, xe lam, xe bông sen, xe công nông	11.000
6	- Xe khách từ 12 ghế ngồi đến dưới 15 ghế ngồi	15.000
7	- Xe khách từ 15 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi	21.000
8	- Xe từ 31 ghế ngồi đến 50 ghế ngồi	26.000
9	- Xe khách trên 50 ghế ngồi	30.000
10	- Xe tải có tải trọng dưới 3 tấn	18.000
11	- Xe tải có tải trọng từ 3 tấn đến dưới 5 tấn	23.000
12	- Xe tải có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	33.000
13	- Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 15 tấn	40.000
14	- Xe có tải trọng từ 15 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở Container 20 fit	55.000
15	- Xe có tải trọng từ 18 tấn trở lên, xe chở Container 40 fit	80.000
16	- Xe thuê cả chuyến phà	250.000

Điều 2. Đối tượng nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà Hậu Giang được áp dụng theo quy định tại Thông tư Liên Bộ số 62/TT-LB ngày 23 tháng 7 năm 1993 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn việc tổ chức thu và quản lý, sử dụng tiền cước qua phà, cầu phao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 10/2004/TT-BTM
ngày 27/12/2004 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2003/QĐ-TTg ngày 09/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với hàng nhập khẩu tại Việt Nam cho năm 2005.

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Căn cứ Quyết định số 91/2003/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với hàng nhập khẩu tại Việt Nam;

Sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2003/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ cho năm 2005 như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Áp dụng hạn ngạch thuế quan năm 2005 đối với 07 mặt hàng: thuốc lá nguyên liệu, muối, bông, sữa nguyên liệu cô đặc, sữa nguyên liệu chưa cô đặc, ngô hạt và trứng gia cầm theo các chi tiết như sau: